

Số: /TTr-CP

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH
Dự án Công nghiệp trọng điểm

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 (Luật BHVBQPPL), Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật BHVBQPPL, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP (Nghị định số 78/2025/NĐ-CP), nhiệm vụ được Ủy ban Thường vụ Quốc hội¹ và nhiệm vụ được Chính phủ², Thủ tướng Chính phủ³ giao, Bộ Công Thương kính trình Chính phủ dự án Luật Công nghiệp trọng điểm như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM⁴**1. Cơ sở chính trị, pháp lý****1.1. Cơ sở chính trị**

a) Chủ trương, định hướng về phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm đã được thể hiện xuyên suốt, nhất quán và có sự kế thừa, phát triển qua các văn kiện của Đảng ta từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đến nay. Đảng ta đã xác định trong bối cảnh nguồn lực quốc gia có hạn, cần ưu tiên phân bổ, sử dụng hợp lý nguồn lực cho một số ngành công nghiệp có tính chất quan trọng, nền tảng, thiết yếu để tạo tác động lan tỏa đến cả nền công nghiệp. Tại Văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ XIII, Đảng ta đã chỉ đạo “Tập trung phát triển một số ngành

¹ Tại Kế hoạch số 81/UBTVQH15 ngày 5/11/2021 triển khai thực hiện Kết luận số 19 KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội XV.

² Tại Nghị quyết số 111/NQ-CP ngày 22/7/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 03/4/2026 của Chính phủ về việc thông qua Chính sách của Luật Công nghiệp trọng điểm.

³ Tại Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 về Kế hoạch thực hiện Kết luận 19-KL/TW và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc Quốc hội XV.

⁴ Công nghiệp trọng điểm trong phạm vi của dự án Luật này là các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp hỗ trợ trong lĩnh vực sản xuất, chế tạo và các dịch vụ phụ trợ khác cho các ngành này, có vị trí then chốt, chiến lược, đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển công nghiệp quốc gia.

công nghiệp nền tảng đáp ứng nhu cầu về tư liệu sản xuất cơ bản của nền kinh tế như công nghiệp năng lượng, cơ khí chế tạo, luyện kim, hóa chất, phân bón, vật liệu... ”⁵. Tại Đại hội toàn quốc lần thứ XIV, Đảng ta đã nêu định hướng “Nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh một số ngành công nghiệp nền tảng như: Năng lượng, cơ khí chế tạo, luyện kim, vật liệu mới, hoá chất, công nghệ số và sinh học”⁶, xác định 6 trọng tâm, trong đó “(4) .. ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp,..” và ba đột phá chiến lược, trong đó “(1)... phát triển lực lượng sản xuất mới, các mô hình, phương thức sản xuất kinh doanh mới”; “(3) Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ và đột phá mạnh mẽ trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội;..”⁷.

Cùng với đó, Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 - nghị quyết chuyên đề đầu tiên của Đảng ta và của Bộ Chính trị về phát triển công nghiệp đã xác định: “- *Lựa chọn một số ngành công nghiệp để ưu tiên phát triển.. theo hướng phải đáp ứng các nguyên tắc: Dựa trên kết quả phân tích khách quan lợi thế của đất nước; là ngành có khả năng tham gia sâu vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu; có ý nghĩa nền tảng, có tác động lan toả cao đến các ngành kinh tế khác; sử dụng các công nghệ sạch, thân thiện môi trường; có khả năng tạo ra giá trị gia tăng cao; một số ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động mà Việt Nam vẫn đang có lợi thế. Việc xác định các ngành công nghiệp ưu tiên phải có tính động và linh hoạt cần thiết, định kỳ phải đánh giá hiệu quả hoạt động theo các tiêu chí để có điều chỉnh phù hợp*”.

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã nêu nhiệm vụ: “*Rà soát, hoàn thiện chính sách khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn theo hướng không ưu đãi theo diện rộng, dàn trải đến các phân ngành công nghiệp, tập trung vào các lĩnh vực được xác định theo tiêu chí phù hợp cho từng giai đoạn; ..*” (Mục II.2); “- *Ưu tiên nguồn lực và có cơ chế, chính sách khuyến khích đủ mạnh để phát triển những lĩnh vực ưu tiên của các ngành **công nghiệp nền tảng: Luyện kim** (ưu tiên phát triển thép hợp kim, thép đặc chủng phục vụ công nghiệp chế tạo máy thế hệ mới, nhất là cho quốc phòng, an ninh); **cơ khí chế tạo** (ưu tiên phát triển cơ khí chế tạo cho sản xuất máy nông nghiệp, ô-tô, tàu biển, thiết bị công trình, thiết bị năng lượng, thiết bị điện, thiết bị y tế); **hóa chất** (ưu tiên phát triển các loại hóa chất*

⁵ Văn kiện đại hội XIII (2021), Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 – 2030.

⁶ Văn kiện đại hội XIV (2026), Báo cáo chính trị Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (Mục IV) đã được Đại hội thông qua.

⁷ Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIV (Mục II. 5 về nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIV).

cơ bản, hóa dầu, hóa dược, phân bón); **công nghiệp năng lượng** (ưu tiên phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo, năng lượng mới); **vật liệu** (ưu tiên phát triển vật liệu mới); **công nghệ số** (ưu tiên phát triển trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, internet kết nối vạn vật, thiết bị điện tử-viễn thông, thiết kế và sản xuất chip bán dẫn). - Chú trọng phát triển một số ngành **công nghiệp mũi nhọn**: Công nghiệp sản xuất rô-bốt, ô-tô, thiết bị tích hợp vận hành tự động, điều khiển từ xa; công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ nông nghiệp; **công nghiệp sinh học** (tập trung vào gen, dược phẩm và các chế phẩm sinh học); **công nghiệp dệt may, da giày** ở các khâu tạo giá trị gia tăng cao dựa trên quy trình sản xuất thông minh, tự động hóa; công nghiệp văn hóa... - Xây dựng và triển khai chương trình phát triển **công nghiệp hỗ trợ** ...đến năm 2030, chú trọng đáp ứng các quy tắc về nguồn gốc xuất xứ trong các hiệp định thương mại tự do, tập trung vào các lĩnh vực: Điện tử thông minh, ô-tô, dệt may-da giày, cơ khí và tự động hóa, nông nghiệp và công nghệ sinh học, công nghệ cao. (Mục III.3). Nghị quyết số 29-NQ/TW đã khẳng định giải pháp về tổ chức thực hiện là "ưu tiên nguồn lực, có các cơ chế, chính sách đột phá, phù hợp để phát triển các cực tăng trưởng, các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp hỗ trợ" (Mục IV.3).

b) Bên cạnh đó, Đảng đã có nhiều chủ trương về công nghiệp hóa và phát triển công nghiệp tại Nghị quyết số 29-NQ/TW; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Các nghị quyết then chốt nêu trên đã đề ra những chủ trương lớn về phát triển nền sản xuất công nghiệp trong nước dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ; gia tăng tỷ lệ nội địa hóa; tạo cơ chế để các doanh nghiệp tư nhân trong nước tham gia vào các dự án công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp ưu tiên của quốc gia.

Các chủ trương, định hướng nêu trên của Đảng đặt ra yêu cầu thể chế hóa thành pháp luật để góp phần thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số" và chỉ đạo "Thể chế hoá, cụ thể hoá đầy đủ, kịp thời chủ trương, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng Đảng, phát triển kinh tế - xã hội và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo các văn kiện, nghị quyết của Đảng, trước hết là Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng."⁸.

(Chi tiết các nội dung chủ trương, đường lối của Đảng được thể hiện tại Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp

⁸ Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 01/4/2026 của Hội nghị Trung ương 2 khóa XIV về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn mới.

luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật Công nghiệp trọng điểm).

1.2. Cơ sở pháp lý

Điều 50 Hiến pháp năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 203/2025/QH15) đã ghi nhận “*Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát huy nội lực, hội nhập, hợp tác quốc tế, gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*” (Điều 50); “*Nhà nước xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, điều tiết nền kinh tế trên cơ sở tôn trọng các quy luật thị trường; thực hiện phân công, phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; thúc đẩy liên kết kinh tế vùng, bảo đảm tính thống nhất của nền kinh tế quốc dân*” (Điều 52). Điểm c khoản 1 Điều 10 Luật BHVBQPPL quy định Quốc hội ban hành luật để quy định “*Chính sách cơ bản về kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường, tài chính, tiền tệ quốc gia, ngân sách nhà nước; quy định các thứ thuế,..*”.

Từ các căn cứ nêu trên, tại Kế hoạch số 81/UBTVQH15 ngày 5/11/2021 triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội XV, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo về các nhiệm vụ lập pháp cần nghiên cứu, xây dựng mới để đề xuất đưa vào Chương trình năm 2022 - 2023 có giao Chính phủ “*Nghiên cứu, xây dựng dự án Luật điều chỉnh về công nghiệp hỗ trợ hoặc dự án Luật điều chỉnh phát triển công nghiệp*”; tại Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 về Kế hoạch thực hiện Kết luận 19-KL/TW và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc Quốc hội XV, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Công Thương thực hiện nhiệm vụ nêu trên.

Tại Nghị quyết số 111/NQ-CP ngày 22/7/2024 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chính phủ đã giao Bộ Công Thương chủ trì nghiên cứu “*Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật chuyên ngành về phát triển công nghiệp quốc gia, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nội ngành, phát triển công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ số, công nghiệp hỗ trợ; nghiên cứu, rà soát cơ cấu không gian phát triển công nghiệp thể chế, chính sách về phát triển cụm liên kết ngành công nghiệp và chiến lược nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp công nghiệp nội địa*”. Tại Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 03/4/2026 về việc thông qua Chính sách của Luật Công nghiệp trọng điểm, Chính phủ giao “*Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan tổ chức soạn thảo dự án Luật Công nghiệp trọng điểm, báo cáo Chính phủ theo quy định*” (Điều 3).

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Trong những năm qua, Quốc hội, Chính phủ đã triển khai nhiều giải pháp quyết liệt trong việc xây dựng, hoàn thiện và triển khai các giải pháp để thực thi có hiệu quả chính sách, pháp luật về phát triển công nghiệp và công nghiệp trọng điểm. Quốc hội đã ban hành, hoàn thiện nhiều văn bản luật liên quan đến ngành công nghiệp để cải thiện hoàn thiện môi trường sản xuất, kinh doanh nói chung⁹, điều chỉnh một số ngành công nghiệp đặc thù nói riêng¹⁰; Chính phủ cũng đã ban hành chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp của cả nước¹¹, nhiều chiến lược và quy hoạch phát triển đối với các ngành, lĩnh vực công nghiệp quan trọng¹²; trong đó có những chính sách ưu đãi¹³, hỗ trợ, khuyến khích phát triển một số ngành công nghiệp nền tảng, mũi nhọn, ưu tiên¹⁴. Kết quả thực thi các giải pháp trên đã đem lại những kết quả tích cực trong phát triển kinh tế - xã

⁹ Như: Luật Đầu tư, Luật Đầu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý thuế, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, Luật Công nghệ cao, Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Trí tuệ nhân tạo, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Luật Quy hoạch, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Việc làm, Luật An toàn vệ sinh lao động, Luật Bảo vệ môi trường.

¹⁰ Như: Luật Dầu khí, Luật Hóa chất, Luật Điện lực, Luật Địa chất và Khoáng sản, Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và Động viên công nghiệp.

¹¹ Quyết định số 879/QĐ-TTg ngày 09/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035; Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 09/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

¹² Như: điện lực, dầu khí, than, khoáng sản, cơ khí, đóng tàu, ô tô, dệt may, hóa chất, thép, công nghiệp hỗ trợ.

¹³ Ví dụ:

- Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 đã quy định các mức ưu đãi thuế cho các ngành: cơ khí trọng điểm, cơ khí nông nghiệp; hóa chất trọng điểm; công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển; sản xuất thép cao cấp, thép chế tạo; sản xuất, lắp ráp ô tô; công nghệ cao; công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, thiết bị điện tử; sản xuất năng lượng mới, năng lượng tái tạo...

- Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14/7/2025) quy định các hình thức hỗ trợ về thị trường, công nghệ, tín dụng, đất đai, môi trường, sản xuất thử nghiệm, phát triển nguồn nhân lực... cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong các ngành: dệt may, da – giày, điện – điện tử, cơ khí chế tạo, sản xuất lắp ráp ô tô và công nghệ cao.

- Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định về biểu thuế xuất, nhập khẩu (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 199/2025/NĐ-CP ngày 08/7/2025 và Nghị định số 260/2025/NĐ-CP ngày 10/10/2025) quy định các ưu đãi về thuế suất thuế nhập khẩu đối với ngành sản xuất, lắp ráp ô tô, cơ khí trọng điểm, máy móc thiết bị, công nghiệp hỗ trợ cho ô tô, các ngành công nghệ cao...

- Nghị định số 78/2023/NĐ-CP ngày 07/11/2023 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước quy định các dự án đầu tư trong các ngành cơ khí trọng điểm, công nghiệp hỗ trợ, công nghệ cao, sản phẩm cơ giới hóa nông nghiệp, phương tiện và thiết bị tiết kiệm năng lượng... được ưu tiên vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước.

- Một số chính sách khác về tín dụng ưu đãi, bảo lãnh vay, cho vay lại, hỗ trợ về phát triển thị trường, hỗ trợ kinh phí cho phát triển khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực và hỗ trợ về cung cấp thông tin...

¹⁴ Như: dệt may, da giày, nhựa, chế biến nông lâm thủy sản, khai thác chế biến bauxit nhôm, thép, hóa chất; ngành năng lượng (dầu khí, than, điện); ngành cơ khí trọng điểm và ngành công nghiệp hỗ trợ (cơ khí chế tạo, điện tử - tin học, sản xuất lắp ráp ô tô, dệt may, da giày, và các ngành công nghệ cao...); các ngành ô tô, đóng tàu, thiết bị toàn bộ, máy nông nghiệp, cơ điện tử; thiết bị điện tử, viễn thông và công nghệ thông tin; sản phẩm từ công nghệ mới (năng lượng mới, năng lượng tái tạo, công nghiệp phần mềm, nội dung số).

hội nói chung và phát triển các ngành công nghiệp nói riêng.

2.2. Bên cạnh những thành công đáng ghi nhận, vẫn còn có những hạn chế trong quá trình xây dựng, ban hành, thực thi chính sách, pháp luật về phát triển công nghiệp và công nghiệp trọng điểm trong thời gian vừa qua như sau:

a) Chưa có hành lang pháp lý xác định rõ trọng tâm phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm trong quá trình công nghiệp hóa

Hiện nay một số lĩnh vực cụ thể (như hóa chất, công nghiệp công nghệ số, điện lực, khai thác khoáng sản, dầu khí, công nghiệp quốc phòng và an ninh...) đã có luật điều chỉnh (*Luật Hóa chất; Luật Công nghiệp công nghệ số; Luật Điện lực; Luật Địa chất và Khoáng sản; Luật Dầu khí; Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và Động viên công nghiệp*). Một số ngành công nghiệp chuyên ngành khác như công nghiệp môi trường, công nghiệp đường sắt, công nghiệp hàng không, sản xuất UAV... cũng đã có trong các đạo luật quản lý chuyên ngành (*như Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đường sắt, Luật Hàng không, Luật Phòng không nhân dân...*).

Tuy nhiên, đến nay chưa có một đạo luật quy định các chính sách đặc thù phát triển nhiều ngành công nghiệp nền tảng, mũi nhọn, ưu tiên theo định hướng của Đảng (*như cơ khí chế tạo, luyện kim, vật liệu, công nghiệp sinh học, dệt may, da giày, công nghiệp hỗ trợ...*), dẫn đến chưa có một cơ sở pháp lý thống nhất, bền vững cho các ngành này.

Chính sách, chiến lược phát triển các ngành công nghiệp còn dàn trải, chưa có quy định xác định các ngành công nghiệp trọng điểm, then chốt cũng như chính sách đặc thù để thúc đẩy phát triển các ngành này, danh mục các ngành công nghiệp trọng điểm có hiệu lực pháp lý thấp, lạc hậu so với thực tế; chính sách, pháp luật trong phát triển công nghiệp trọng điểm nói riêng trong phạm vi liên tỉnh, liên vùng và trên toàn lãnh thổ Việt Nam không thống nhất, tản mát, phụ thuộc vào sự sáng tạo, linh hoạt cục bộ của một số địa phương lớn¹⁵ hoặc theo các đề án riêng rẽ của ngành, lĩnh vực, các địa phương có sự cạnh tranh trong quá trình thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp.

b) Chính sách, chiến lược phát triển các ngành công nghiệp còn có điểm chưa thực sự phù hợp với yêu cầu thực tế, thiếu các nguồn lực để thực hiện có hiệu quả¹⁶. Ngay trong các văn bản chính sách còn rất nhiều cách hiểu khác nhau

¹⁵ Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

¹⁶ Ví dụ:

- Sau gần 20 năm triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ của Chương trình cơ khí trọng điểm theo Quyết định số 186/2002/QĐ-TTg và Quyết định số 10/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, mới có 11 dự án được xem xét hưởng chính sách tín dụng ưu đãi 9.978,18 tỷ đồng; trong đó, mới có 3 dự án ký được hợp đồng tín dụng với

về nhiều khái niệm, khiến cho việc xác định nội hàm và tiêu chí cụ thể để xây dựng chính sách, pháp luật gặp nhiều khó khăn, xa rời thực tiễn. Tính ổn định, tính cập nhật và hiệu quả thực tế của các chính sách phát triển công nghiệp tầm vĩ mô chưa cao; nhiều chiến lược, chương trình, quy hoạch quốc gia có giá trị pháp lý không cao, không ràng buộc trách nhiệm tuân thủ của các bên liên quan trong quá trình thực thi. Thực tế này dẫn đến việc thể chế hóa, tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, các Chương trình, đề án, kế hoạch của Trung ương và địa phương phân tán, thiếu trọng tâm, trọng điểm.

c) Pháp luật hiện hành về ưu đãi, hỗ trợ phát triển cho các ngành công nghiệp trọng điểm còn rời rạc, hiệu lực pháp lý thấp hoặc chưa được xây dựng.

Đến nay, chưa có quy định của pháp luật về chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển mang tính hệ thống, khoa học do thiếu sự phân tách chuỗi giá trị trong từng hệ sinh thái, cụm liên kết ngành, phân ngành công nghiệp; các giải pháp hỗ trợ về thị trường chưa được quan tâm đúng mức; cơ chế, chính sách cho ứng dụng, chuyển giao, cải tiến, đổi mới quy trình công nghệ sản xuất trong các ngành công nghiệp – đặc biệt là các công nghệ then chốt trong các ngành công nghiệp trọng điểm còn thiếu tính bền vững, dài hạn không phù hợp với đặc thù của các hoạt động sản xuất công nghiệp. Chưa có quy định khuyến khích ứng dụng, chuyển đổi, cải tiến quy trình và công nghệ sản xuất trong các ngành công nghiệp (trong đó có các xu thế công nghệ mới như nhà máy thông minh, các tiêu chuẩn quản trị thông minh...).

Chính sách tài chính cho phát triển các ngành công nghiệp còn dàn trải, nhiều bất cập, dẫn đến không phân bổ nguồn lực tài chính quốc gia hợp lý để phát triển các ngành trọng tâm, trọng điểm có tính chất nền tảng. Hiện các ưu đãi tài chính dàn trải theo rất nhiều lĩnh vực ưu đãi đầu tư và địa bàn ưu đãi đầu tư và thiếu hợp lý¹⁷ dẫn đến nguồn lực vốn đầu tư phát triển công nghiệp thiếu cân đối¹⁸;

Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) 374 tỷ đồng (bằng 3,75% số vốn được xem xét) và thực tế mới giải ngân được 60,75 tỷ đồng (16% hợp đồng đã ký).

- Nghị định số 75/2011/NĐ-CP về tín dụng đầu tư và xuất khẩu của nhà nước, Nghị định số 111/2015/NĐ-CP về các giải pháp phát triển công nghiệp hỗ trợ và Nghị định số 32/2017/NĐ-CP về tín dụng đầu tư của nhà nước đều quy định các doanh nghiệp CNHT được vay nguồn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước từ Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB). Tuy nhiên, tính từ thời điểm nghị định 75/2011/NĐ-CP có hiệu lực từ năm 2011 đến nay hầu như không có khoản vay nào được giải ngân.

¹⁷ Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2025 quy định 3 mức thuế suất ưu đãi căn cứ vào 30 lĩnh vực khuyến khích đầu tư và 27 lĩnh vực được hưởng ưu đãi đặc biệt khi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư năm 2025. Với các quy định về chính sách khuyến khích đầu tư, có 90% số lượng các ngành kinh tế cấp II và 33% các ngành kinh tế cấp III được hưởng ưu đãi thuế. Theo tiêu chí địa bàn đầu tư, thì có tới 32% địa phương thuộc diện ưu đãi và 24% số địa phương thuộc diện ưu đãi đặc biệt. Bên cạnh đó còn có hơn 300 khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu cũng thuộc diện ưu đãi.

¹⁸ Thực tế kết quả thu hút vốn đầu tư cho thấy dòng vốn đầu tư chất lượng cao vẫn tập trung chủ yếu vào các địa bàn kinh tế thuận lợi, kết cấu hạ tầng tốt, thuận tiện về giao thông, cảng biển,... trong khi nhiều khu kinh tế, khu công nghiệp tại địa bàn kém phát triển hay như ngành nông nghiệp được các đối tượng được hưởng ưu đãi cao nhưng tỷ lệ thu hút thì rất thấp

doanh nghiệp công nghiệp gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận các ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước; chưa khuyến khích được các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam vì chi phí sản xuất cao hơn so với đối thủ cạnh tranh ở nước ngoài.

c) Chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ chưa giải quyết được bất cập, vướng mắc, chưa tạo ra các cơ chế, chính sách mạnh mẽ thúc đẩy phát triển.

Hiện nay, việc cung cấp các dịch vụ kiểm định, thử nghiệm, chứng nhận chất lượng các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ (CNHT) cho các doanh nghiệp¹⁹ vẫn còn nhiều hạn chế, chưa có đầu mối hỗ trợ cụ thể²⁰. Vì vậy, yêu cầu của việc hình thành các đầu mối hỗ trợ về kỹ thuật và công nghệ sản xuất cho các doanh nghiệp CNHT là rất cần thiết.

d) Trong bối cảnh các quốc gia trên thế giới gia tăng sử dụng chính sách công nghiệp với sự hỗ trợ mạnh mẽ của Nhà nước đã và đang đặt ra yêu cầu Việt Nam cần có những chính sách kịp thời, khéo léo để theo kịp xu thế đó.

Xu thế chung của các quốc gia như Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu (EU), Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc cho thấy các nước tập trung hoàn thiện pháp luật, có những chính sách mạnh mẽ để bảo hộ và thúc đẩy phát triển một số ngành công nghiệp quan trọng, thiết yếu - cho dù có những chính sách chưa thật sự phù hợp với các cam kết về tự do hóa thương mại trên thế giới. Điều này đặt nước ta vào những thách thức về thu hút đầu tư và tính cạnh tranh bị hạn chế khi gia nhập thị trường quốc tế.

(Chi tiết các khó khăn, vướng mắc thực tiễn trong nước và xu hướng thế giới được thể hiện tại: Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo Luật; Báo cáo kinh nghiệm quốc tế).

Từ những cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, Bộ Công Thương cho rằng, với tầm quan trọng then chốt của các ngành công nghiệp trọng điểm đối với việc xây dựng văn bản luật (Luật Công nghiệp trọng điểm) để quy định cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển nền công nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung theo nhiệm vụ được Chính phủ giao là hết sức cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM

¹⁹ Theo mô hình của Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước EU, Nhà nước cần hình thành các trung tâm/viện nghiên cứu đóng vai trò là cơ sở máy móc – kỹ thuật dùng chung cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa (trong đó có các doanh nghiệp CNHT), cung cấp các dịch vụ thiết kế, chế tạo thử nghiệm, đo lường, kiểm định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, tư vấn chuyển giao công nghệ và cải tiến doanh nghiệp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

²⁰ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP cũng đã có quy định về việc hình thành các Trung tâm phát triển CNHT với các mục đích trên, tuy nhiên hiện nay việc hình thành các Trung tâm này rất khó khăn bởi việc đăng ký vốn để thực hiện xây dựng Trung tâm không thuộc đối tượng sử dụng vốn đầu tư phát triển.

1. Mục đích

1.1. Thúc đẩy, kiến tạo phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm phù hợp với bối cảnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; hướng đến xây dựng nền công nghiệp độc lập, tự chủ, tự cường, góp phần phát triển kinh tế nhanh và bền vững, trở thành nước phát triển, có thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

1.2. Xây dựng chính sách, quy định mang tính đột phá, xử lý các điểm nghẽn cơ bản trong phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm theo hướng từ theo chiều rộng sang theo chiều sâu, từ gia công, lắp ráp sang nghiên cứu, thiết kế và sản xuất tại Việt Nam, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao đồng thời tạo đột phá về quá trình hiện đại hóa trong công nghiệp.

1.3. Đẩy mạnh phân quyền thông qua tạo cơ sở pháp lý khuyến khích sự chủ động, sáng tạo của các Bộ, ngành địa phương trong khai thác và phát huy tốt nhất mọi tiềm năng, lợi thế của đất nước, của từng vùng và địa phương.

1.4. Đảm bảo tỷ lệ nội địa hóa phù hợp để đáp ứng các yêu cầu, ưu đãi về xuất xứ hàng hóa trong thương mại quốc tế; phù hợp với các thỏa thuận thương mại song phương và đa phương, các yêu cầu của các thị trường lớn.

1.5. Tận dụng cơ hội từ hội nhập bằng việc thiết kế cơ chế khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu, tận dụng ưu đãi từ FTA thông qua bảo đảm quy tắc xuất xứ.

1.6. Gắn kết thu hút FDI với phát triển công nghiệp trọng điểm: Xây dựng quy định thu hút và quản lý FDI trong các ngành công nghiệp trọng điểm theo hướng có chọn lọc, ưu tiên dự án công nghệ cao, công nghiệp nền tảng; đồng thời gắn với yêu cầu chuyển giao công nghệ, liên kết với doanh nghiệp trong nước, góp phần nâng cao năng lực sản xuất quốc gia.

2. Quan điểm xây dựng²¹

2.1. Đảm bảo phù hợp với Hiến pháp năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 203/2025/QH15).

2.2. Tuân thủ, và đảm bảo thể chế hóa đầy đủ chủ trương, quan điểm của Đảng, quyết nghị của Quốc hội, nhiệm vụ, giải pháp của Chính phủ trong phát triển công nghiệp, công nghiệp trọng điểm tại Việt Nam; kiến tạo được một số chính sách, pháp luật để xử lý các điểm nghẽn cơ bản trong phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm theo hướng từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, từ gia công, lắp ráp sang nghiên cứu, thiết kế và sản xuất tại Việt

²¹ Quan điểm xây dựng Luật Công nghiệp được xác định dựa trên chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 82/NQ-CP (Điều 2).

Nam, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao đồng thời tạo đột phá về quá trình hiện đại hóa trong công nghiệp.

2.3 Khuyến khích đẩy mạnh nội địa hóa phù hợp để đáp ứng các yêu cầu, ưu đãi về xuất xứ hàng hóa trong thương mại quốc tế; phù hợp với các thỏa thuận thương mại song phương và đa phương, các yêu cầu của các thị trường lớn. Thiết kế cơ chế khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu, tận dụng ưu đãi từ các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới thông qua bảo đảm quy tắc xuất xứ.

2.4. Xây dựng quy định thu hút và quản lý FDI trong các ngành công nghiệp trọng điểm theo hướng có chọn lọc, ưu tiên dự án công nghệ cao, công nghiệp nền tảng; đồng thời, gắn với yêu cầu chuyển giao công nghệ, liên kết với doanh nghiệp trong nước, góp phần nâng cao năng lực sản xuất quốc gia.

2.6. Rà soát việc thực hiện quy định của pháp luật hiện hành để xây dựng nội dung phù hợp với thực tiễn, có tính khả thi, khắc phục được tồn tại, hạn chế, vướng mắc, bất cập; hài hòa với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; rà soát hồ sơ chính sách Luật bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các luật có liên quan; đẩy mạnh phân quyền trong quản lý nhà nước về phát triển công nghiệp trọng điểm; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số.

2.7. Kế thừa, phát huy những quy định hiện hành đã được xây dựng, thực hiện ổn định; bổ khuyết những khoảng trống chính sách, pháp lý trong phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.

2.8. Vận dụng linh hoạt các cam kết quốc tế về thương mại, đầu tư mà Việt Nam là thành viên trên cơ sở đảm bảo lợi ích cao nhất cho quốc gia; tiếp thu những kinh nghiệm quốc tế có giá trị phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Bộ Công Thương đã tuân thủ quy định của Luật BHVBQPPL, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền về nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật để triển khai việc xây dựng dự án Luật như sau:

1. Sau khi Chính phủ thông qua chính sách của Luật Công nghiệp trọng điểm tại Nghị quyết số 82/NQ-CP và giao nhiệm vụ xây dựng dự án Luật, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 968/QĐ-BCT ngày 22/4/2026 thành lập Tổ soạn thảo, Tổ biên tập dự án Luật; xây dựng Kế hoạch, triển khai kế hoạch, phân công, chuẩn bị xây dựng hồ sơ²²; tổ chức các cuộc họp thường trực

²² Bộ Công Thương đã tổ chức cuộc họp với các Bộ, ngành; đơn vị thuộc Bộ về kế hoạch, phân công, chuẩn bị xây dựng hồ sơ dự thảo Luật (ngày2026, ...).

Tổ soạn thảo, Tổ biên tập²³. Bộ Công Thương cũng đã thực hiện thủ tục đề nghị Chính phủ đề nghị bổ sung dự án Luật Công nghiệp trọng điểm vào Chương trình lập pháp năm 2026 của Quốc hội theo trình tự, thủ tục rút gọn²⁴ và được chấp thuận²⁵.

2. Thực hiện nghiên cứu kỹ lưỡng chủ trương, đường lối của Đảng để đảm bảo thể chế hóa đầy đủ, đúng với định hướng về phát triển công nghiệp trọng điểm; rà soát các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và quy định pháp luật về cơ chế chính sách về phát triển công nghiệp, công nghiệp trọng điểm; xây dựng các Báo cáo chuyên đề, xác định nội dung cần được quy định tại dự thảo Luật.

3. Xây dựng hồ sơ dự thảo Luật và tổ chức các Hội thảo, cuộc họp Tổ soạn thảo, Tổ biên tập²⁶, các bộ, ngành, cơ quan có liên quan để lấy ý kiến trực tiếp đối với hồ sơ dự thảo Luật²⁷.

4. Báo cáo Phó Thủ tướng ... về một số vấn đề lớn của dự án Luật²⁸.

5. Báo cáo, xin chủ trương của cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề lớn của dự án Luật²⁹.

6. Tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết và tiếp thu, chỉnh lý hồ sơ dự thảo Nghị quyết theo ý kiến góp ý³⁰.

7. Đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ dự án Luật (Công văn số ... ngày ...); chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật, xây dựng Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định theo Báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-BTP ngày ... của Bộ Tư pháp.

8. Trình Chính phủ xem xét, quyết định dự án Luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Bố cục

²³ Ngày ...

²⁴ Công văn số 3604/BCT-CN ngày 21/5/2026 gửi Bộ Tư pháp; ...

²⁵ Tại...

²⁶ Ngày 19/5/2026; ...

²⁷ Bộ Công Thương đã tổ chức một số cuộc họp với các Bộ, ngành; đơn vị thuộc Bộ để lấy ý kiến trực tiếp đối với dự thảo Luật (ngày ...)

²⁸ Cuộc họp được tổ chức vào ngày ... tại ...

²⁹ Ngày ..., Đảng ủy Bộ Công Thương có Tờ trình số ...-TTr/ĐU trình về ... để xin ý kiến về...

³⁰ Bộ Công Thương có Công văn số ... ngày 09/4/2025 gửi các bộ, ngành, địa phương, tổ chức (Hiệp hội, ...) và các đơn vị của Bộ để xin ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Luật. Đến ngày ..., Bộ Công Thương nhận được ý kiến của ... Bộ, ngành; ... tổ chức; ... UBND, Sở Công Thương.

Dự thảo Luật gồm 52 điều, được bố cục thành 06 chương như sau:

- Chương I. Những quy định chung, gồm 09 điều (từ Điều 1 đến Điều 9).
- Chương II. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các ngành công nghiệp trọng điểm, gồm 17 điều (từ Điều 10 đến Điều 26).
- Chương III. Tổ hợp công nghiệp trọng điểm, gồm 16 điều (từ Điều 27 đến Điều 42).
- Chương IV. Phát triển công nghiệp hỗ trợ, gồm 05 điều (từ Điều 43 đến Điều 47).
- Chương V. Tổ chức thực hiện, gồm 02 điều (từ Điều 48 đến Điều 49).
- Chương VI. Điều khoản thi hành, gồm 03 điều (từ Điều 50 đến Điều 52).

Bố cục nêu trên thể hiện rõ định hướng của dự thảo Luật là xây dựng một đạo luật thiết kế cơ chế, chính sách phát triển ngành, trong đó Chương II giữ vai trò trung tâm; Chương III và Chương IV là các chế định hỗ trợ tổ chức không gian công nghiệp và phát triển nền tảng chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị; Chương V và Chương VI bảo đảm khâu thực thi, đồng bộ hóa hệ thống pháp luật và chuyển tiếp chính sách.

4. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

4.1. Về phạm vi điều chỉnh của Luật

Dự thảo Luật Công nghiệp trọng điểm được xây dựng trên cơ sở 02 chính sách đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 82/NQ-CP gồm:

- Chính sách 1: Khuyến khích sản xuất, chế tạo trong nước các sản phẩm công nghiệp trọng điểm.
- Chính sách 2: Phát triển công nghiệp hỗ trợ.

Cụ thể, Luật này quy định về cơ chế, chính sách phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm của Việt Nam, quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Các ngành công nghiệp trọng điểm dự kiến quy định tại Luật là các ngành, lĩnh vực sản xuất, chế tạo có vai trò then chốt đối với công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nâng cao năng lực tự chủ, tự cường công nghiệp, năng lực tham gia chuỗi giá trị trong nước và toàn cầu, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, an ninh kinh tế, an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; ***bao gồm các ngành: vật liệu, cơ khí chế tạo, công nghiệp sinh học, dệt may, da giày, công nghiệp hỗ trợ.***

Ngoài ra, hoạt động phát triển công nghiệp trọng điểm phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Luật Công nghiệp quốc phòng,

an ninh và Động viên công nghiệp. Trường hợp Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và Động viên công nghiệp chưa có chính sách ưu đãi, hỗ trợ tương tự hoặc trong trường hợp Luật này có mức ưu đãi, hỗ trợ cao hơn thì được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Luật này.

4.2. Về nội dung chính

a) Chương I. Những quy định chung, gồm 09 điều (từ Điều 1 đến Điều 9)³¹

Chương I xác lập các khái niệm nền tảng như công nghiệp trọng điểm, dự án trọng điểm, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp sinh học, chế biến sâu khoáng sản, Tổ hợp công nghiệp trọng điểm, sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm...; đồng thời giao Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm phù hợp với từng thời kỳ để làm căn cứ áp dụng ưu đãi, hỗ trợ.

Chương I cũng quy định về nguyên tắc áp dụng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ; theo đó, sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm là ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư.

Dự thảo cũng quy định cơ chế xây dựng chương trình phát triển các phân ngành cụ thể và quy định tương về các nguồn lực tài chính phục vụ phát triển công nghiệp trọng điểm. Những quy định này nhằm tạo khung pháp lý chung, linh hoạt trong điều hành nhưng vẫn bảo đảm có căn cứ pháp lý thống nhất để triển khai các chính sách phát triển ngành.

b) Chương II. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các ngành công nghiệp trọng điểm, gồm 17 điều (từ Điều 10 đến Điều 26)³²

Chương II Dự thảo Luật thiết lập cơ chế đặt hàng, đấu thầu, giao nhiệm vụ, chỉ định thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm, cơ chế nội địa hóa trong các dự án trọng điểm để bảo đảm nâng cao năng lực tự chủ sản xuất trong nước. Dự thảo cũng quy định các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ mạnh đối với nhà

³¹ Gồm các quy định về: Phạm vi điều chỉnh (Điều 1); Đối tượng áp dụng (Điều 2); Giải thích từ ngữ (Điều 4); Áp dụng pháp luật (Điều 4); Chính sách của Nhà nước về phát triển công nghiệp trọng điểm (Điều 5); Quản lý nhà nước về công nghiệp trọng điểm (Điều 6); Áp dụng ưu đãi, hỗ trợ cho các ngành công nghiệp trọng điểm (Điều 7); Chương trình phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm (Điều 8); Nguồn tài chính cho phát triển công nghiệp trọng điểm (Điều 9).

³² Gồm các quy định về: Lựa chọn nhà thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm (Điều 10); Cơ chế nội địa hóa trong các dự án trọng điểm (Điều 11); Ưu đãi, hỗ trợ đối với cơ chế bảo đảm sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm (Điều 12); Thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm công nghiệp trọng điểm (Điều 13); Thu hút đầu tư chiến lược nước ngoài (Điều 14); Ưu đãi, hỗ trợ cho các dự án chế biến, sản xuất sản phẩm từ khoáng sản chiến lược (Điều 15); Ưu đãi, hỗ trợ cho các dự án chuyển dịch năng lượng (Điều 16); Hỗ trợ tín dụng, hỗ trợ tài chính thông qua các định chế quỹ tài chính và Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp, Hỗ trợ thuê chuyên gia và nhà khoa học, Kỹ sư trưởng, Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển, Thử nghiệm có kiểm soát, Chuyển giao công nghệ, Hỗ trợ về đất đai và hạ tầng (từ Điều 17 đến Điều 26).

cung cấp nhận đặt hàng và chỉ định thầu, nhà đầu tư thực hiện dự án trọng điểm, trong đó có các hỗ trợ về bảo hiểm sản phẩm, ưu đãi về giá, hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ mua công nghệ, hỗ trợ một số chi phí đầu vào và hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm đầu ra trong thời gian nhất định. Các quy định này nhằm tạo công cụ đủ mạnh để hình thành năng lực công nghiệp lõi trong nước, giảm phụ thuộc nhập khẩu và tăng mức độ tự chủ của nền kinh tế. Dự thảo cũng quy định các hỗ trợ về xuất khẩu để bảo đảm thị trường đầu ra cho các sản phẩm công nghiệp trọng điểm.

Đối với các giải pháp thu hút đầu tư, quan trọng nhất là đầu tư chiến lược nước ngoài, dự thảo gắn ưu đãi, hỗ trợ cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài với các cam kết cụ thể về hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi cung ứng, gia tăng tỷ lệ nội địa hóa, tăng chi cho nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực chất lượng cao, mở rộng quy mô sản xuất và xuất khẩu. Đây là cách tiếp cận theo hướng đổi ưu đãi lấy cam kết phát triển năng lực nội sinh, góp phần nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư nước ngoài theo chiều sâu. Chương này cũng tạo lập các chính sách ưu đãi, hỗ trợ có tính đặc thù để khuyến khích thu hút đầu tư các dự án chế biến sâu khoáng sản, chuyển dịch năng lượng.

Dự thảo cũng quy định các ưu đãi, hỗ trợ tín dụng đặc thù, hỗ trợ tài chính qua các quỹ, hình thành Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua thiết chế Kỹ sư trưởng, hỗ trợ chuyên gia và nhà khoa học; hỗ trợ nghiên cứu và phát triển, thử nghiệm có kiểm soát, chuyển giao và làm chủ công nghệ; cùng với hỗ trợ đất đai và hạ tầng. Các nội dung này thể hiện định hướng phát triển công nghiệp trọng điểm không chỉ dựa vào ưu đãi đầu tư truyền thống, mà còn dựa vào nâng năng lực tài chính, công nghệ, nhân lực, hạ tầng và liên kết chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp.

c) Chương III. Tổ hợp Công nghiệp trọng điểm, gồm 16 điều (từ Điều 27 đến Điều 42)³³

Chương III dự thảo Luật xác định Tổ hợp Công nghiệp trọng điểm là mô hình khu chức năng công nghiệp do doanh nghiệp đầu chuỗi đóng vai trò dẫn dắt, điều phối, được hình thành theo hướng cụm liên kết ngành chuyên sâu, thiết lập chuỗi giá trị và hệ sinh thái công nghiệp hoàn chỉnh bao gồm nghiên cứu và phát triển, đổi mới sáng tạo, thử nghiệm và ứng dụng công nghệ, phát triển chuỗi cung ứng và công nghiệp hỗ trợ, đào tạo nhân lực, logistics và xúc tiến thương mại.

Việc thành lập, điều chỉnh Tổ hợp Công nghiệp trọng điểm được thực hiện trên cơ sở đề xuất của doanh nghiệp đầu chuỗi. Mô hình quản trị, vận hành của

³³ Gồm các quy định về: Thành lập, điều chỉnh Tổ hợp Công nghiệp trọng điểm (từ Điều 27 đến Điều 31); Quản trị, vận hành Tổ hợp Công nghiệp trọng điểm (từ Điều 32 đến Điều 40); Ưu đãi, hỗ trợ đối với Tổ hợp công nghiệp trọng điểm (Điều 41 và Điều 42).

Tổ hợp được quy định rõ ràng về bộ máy tổ chức của Ban quản lý, Hội đồng điều phối Tổ hợp cũng như quyền lợi, nghĩa vụ của doanh nghiệp đầu chuỗi, các doanh nghiệp hỗ trợ và hoạt động của các phân khu chức năng trong Tổ hợp. Các quy định này nhằm tạo không gian thể chế và không gian hạ tầng tập trung để thúc đẩy phát triển công nghiệp theo cụm liên kết ngành.

Dự thảo đồng thời quy định các ưu đãi, hỗ trợ đối với hạ tầng Tổ hợp công nghiệp trọng điểm và các dự án sản xuất trong Tổ hợp, như giao đất, cho thuê đất không đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong các trường hợp luật định; đầu tư hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài hàng rào khu; hỗ trợ hạ tầng kết nối; ưu đãi đối với nhà ở, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động; và cơ chế quản lý, vận hành, khai thác tài sản hạ tầng Tổ hợp. Đây là những quy định có ý nghĩa quan trọng để hình thành các cực tăng trưởng công nghiệp mới, có sức lan tỏa và có khả năng kéo theo công nghiệp hỗ trợ, dịch vụ kỹ thuật, logistics và nhân lực chất lượng cao.

d) Chương IV. Phát triển công nghiệp hỗ trợ, gồm 05 điều (từ Điều 43 đến Điều 47)³⁴

Dự thảo xác định các công nghệ nền tảng trong công nghiệp hỗ trợ như công nghệ đúc, hàn, khuôn mẫu, tạo hình nhựa, xử lý bề mặt và xử lý nhiệt; đồng thời ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ sử dụng các công nghệ này để sản xuất sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn và khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Bên cạnh đó, dự thảo quy định các hình thức hỗ trợ cụ thể đối với doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong hoạt động xúc tiến thị trường, hợp tác với tập đoàn đa quốc gia, quản trị sản xuất, mua bán – sáp nhập, nghiên cứu phát triển, sản xuất thử nghiệm, đánh giá chất lượng và chứng nhận sản phẩm. Các quy định này nhằm tăng cường năng lực cung ứng nội địa, thúc đẩy nội địa hóa và nâng vị thế doanh nghiệp Việt Nam trong các chuỗi sản xuất toàn cầu.

Dự thảo cũng quy định Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ, cơ chế bố trí nguồn kinh phí thực hiện chương trình, hỗ trợ tín dụng đặc thù cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, đồng thời đặt ra mô hình Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp cấp quốc gia và cấp vùng. Đây là những công cụ tổ chức thực hiện cần thiết để đưa chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ từ định hướng sang hành động cụ thể, có địa chỉ, có nguồn lực và có đầu mối triển khai.

³⁴ Gồm các quy định về: Phát triển công nghệ nền tảng trong công nghiệp hỗ trợ (Điều 43); Hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tham gia chuỗi giá trị toàn cầu (Điều 44); Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ (Điều 45); Hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ (Điều 46); Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp (Điều 47).

đ) Chương V. Tổ chức thực hiện, gồm 02 điều (từ Điều 48 đến Điều 49)³⁵

Dự thảo Luật quy định Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm; các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung liên quan. Dự thảo đồng thời quy định nguyên tắc xử lý đối với tổ chức, cá nhân lợi dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ để trục lợi, sử dụng sai mục đích hoặc thực hiện không đúng cam kết. Các quy định này nhằm bảo đảm rõ trách nhiệm chủ trì, phối hợp và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành luật.

e) Chương VI. Điều khoản thi hành, gồm 03 điều (từ Điều 50 đến Điều 52)³⁶

Dự thảo Luật quy định sửa đổi, bổ sung các nội dung có liên quan tại Luật Đầu tư, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Thuế tài nguyên, Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Đất đai để tạo cơ sở pháp lý cho việc áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, hỗ trợ về đất đai, thuế, hạ tầng và công nhận Tổ hợp công nghiệp trọng điểm; quy định chuyển tiếp theo hướng các dự án, doanh nghiệp đã được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo pháp luật trước ngày Luật có hiệu lực tiếp tục được hưởng cho đến hết thời hạn, trừ trường hợp lựa chọn chuyển sang áp dụng Luật này và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận (Điều 37, Điều 38).

4.3. Việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước

Việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước được phân tích kỹ lưỡng tại Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật Công nghiệp trọng điểm và các Phụ lục kèm theo.

4.4. Vấn đề chưa được pháp luật quy định hoặc đã có quy định nhưng chưa phù hợp và vướng mắc, bất cập từ thực tiễn

Những vướng mắc, bất cập của pháp luật (như chưa được pháp luật quy định hoặc đã có quy định nhưng chưa phù hợp) và vướng mắc, bất cập từ thực tiễn được phân tích kỹ lưỡng tại mục I.2 ở trên; Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật Công nghiệp trọng điểm, các Phụ lục kèm theo và Báo cáo đánh

³⁵ Gồm các quy định về: Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước (Điều 48) và Xử lý vi phạm (Điều 49).

³⁶ Gồm các quy định về: Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các luật có liên quan (Điều 50); Điều khoản chuyển tiếp (Điều 51); Hiệu lực thi hành (Điều 52).

giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo Luật.

4.5. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Dự thảo Luật chủ yếu thiết kế cơ chế, chính sách phát triển và viện dẫn thực hiện thông qua các pháp luật chuyên ngành về đầu tư, đấu thầu, đất đai, ngân sách nhà nước, tín dụng, khoa học công nghệ và pháp luật khác có liên quan; do đó số lượng thủ tục hành chính độc lập phát sinh theo dự thảo không nhiều như các luật quản lý chuyên ngành theo mô hình cấp phép. Các thủ tục hành chính cụ thể sẽ được quy định chi tiết tại Nghị định của Chính phủ trong phạm vi các nội dung được Luật giao.

4.6. Nội dung phân quyền, phân cấp

...

4.7. Nội dung về đảm bảo tương thích với Điều ước quốc tế mà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Dự thảo luật được xây dựng trên cơ sở vận dụng linh hoạt các cam kết quốc tế về thương mại, đầu tư mà Việt Nam là thành viên trên cơ sở đảm bảo lợi ích cao nhất cho quốc gia; tiếp thu những kinh nghiệm quốc tế có giá trị phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Những nội dung của dự thảo Luật có liên quan đến các cam kết quốc tế đã được thống kê và rà soát, chính lý kỹ lưỡng để đảm bảo tương thích với các Điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (thể hiện tại Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật Công nghiệp trọng điểm, các Phụ lục kèm theo).

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (nếu có)

.....

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Luật

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động phát triển công nghiệp trọng điểm trong phạm vi cả nước; phân công các Bộ, cơ quan ngang Bộ về trách nhiệm quản lý các hoạt động phát triển công nghiệp trọng điểm phù hợp với chức năng, thẩm quyền.

- Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện việc quản lý nhà nước về hoạt động phát triển công nghiệp trọng điểm trong phạm vi địa phương.

2. Các điều kiện đảm bảo thi hành Luật

a) Ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

Sau khi Luật Công nghiệp trọng điểm được ban hành, Chính phủ, các Bộ, ngành ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn và triển khai Luật đầy đủ, đúng tiến độ.

b) Tổ chức thực thi luật sau khi ban hành

Sau khi Luật Công nghiệp trọng điểm được ban hành, Chính phủ sẽ thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch tổ chức thực thi Luật phù hợp với từng đối tượng: cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động phát triển công nghiệp trọng điểm, các hội nghề nghiệp,
- Phân công, phối hợp liên ngành để triển khai thực hiện Luật thông qua các hình thức: tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thi hành pháp luật; phối hợp quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật.

c) Nguồn kinh phí để triển khai Luật

Sau khi Luật Công nghiệp trọng điểm được ban hành, dự kiến kinh phí thực thi gồm:

- Kinh phí để xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp trọng điểm.
- Kinh phí tuyên truyền, phổ biến Luật Công nghiệp trọng điểm và các văn bản dưới Luật.
- Kinh phí thanh tra, kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất được thực hiện lồng ghép trong ngân sách chi thường xuyên của các cơ quan trung ương, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân.

d) Dự kiến nguồn nhân lực

So với quy định hiện hành, các chính sách nêu trên về cơ bản không yêu cầu tăng thêm đầu mối và nhân lực để triển khai thực hiện. Tuy nhiên, như đã nói ở trên, hiện nay, tại các địa phương, số lượng công chức được phân công chuyên trách về quản lý công nghiệp còn thiếu so với khối lượng công việc, nhiều địa phương không có cán bộ quản lý công nghiệp có trình độ phù hợp, do vậy, để đảm bảo hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước về hóa chất, cần thiết phải tăng cường nhân lực chuyên ngành quản lý công nghiệp tại các cơ quan quản lý tùy theo hoàn cảnh thực tế của từng địa phương.

VII. VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ (nếu có)

.....

Trên đây là Tờ trình về Dự án Luật Công nghiệp trọng điểm, Bộ Công Thương kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) dự thảo Luật Công nghiệp trọng điểm; (2) Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo Luật; (3) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo và các Phụ lục; (4) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc; (5) Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách; (6) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội; (7) Tài liệu khác).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- TTr. Trương Thanh Hoài;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, CN (giangtrth).

BỘ TRƯỞNG

Lê Mạnh Hùng